

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1070/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 7 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch thực hiện giảm nghèo nhanh
và bền vững 06 huyện miền núi đến năm 2015
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 80/2011/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về Định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2011/NQ-HĐND ngày 27/10/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI - Kỳ họp thứ 3 về Chương trình mục tiêu việc làm và giảm nghèo nhanh và bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 27/12/2011 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu giảm nghèo nhanh và bền vững ở 06 huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 856/TTr-SLĐTBXH ngày 11/6/2012 về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch thực hiện giảm nghèo nhanh và bền vững 06 huyện miền núi giai đoạn 2011 - 2015 tỉnh Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện giảm nghèo nhanh và bền vững 06 huyện miền núi đến năm 2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Tư pháp,

Ban Dân tộc tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện miền núi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Thích

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Thực hiện giảm nghèo nhanh và bền vững 06 huyện miền núi
đến năm 2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

*(Kèm theo Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 16/7/2012 của
Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

I. MỤC TIÊU

- Thu nhập bình quân đầu người của các hộ nghèo tăng lên 3 lần so với năm 2010. Điều kiện sống của người nghèo được cải thiện, trước hết là về y tế, giáo dục, văn hoá, nước sinh hoạt, nhà ở; người nghèo tiếp cận ngày càng thuận lợi với các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư đồng bộ theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu, như: giao thông, điện, nước sinh hoạt.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân mỗi năm 5 - 7% (theo chuẩn nghèo hiện hành), cụ thể:

+ Đã thực hiện đến cuối năm 2011, tỷ lệ hộ nghèo: 55,12%

+ Kế hoạch phấn đấu đến cuối năm 2012 giảm còn 25.608 hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 46,87%), cuối năm 2013 giảm còn 21.784 hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 39,87%), cuối năm 2014 giảm còn 17.959 hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 32,87%) và đến cuối năm 2015 giảm còn 14.135 hộ nghèo (giảm còn 25,87%).

- 100% người nghèo được cấp thẻ Bảo hiểm y tế; hỗ trợ 50% mệnh giá mua thẻ Bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo mua thẻ Bảo hiểm y tế tự nguyện.

- 100% trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên thuộc diện đều được miễn, giảm học phí và được hỗ trợ chi phí học tập;

- 100% hộ nghèo có nhà ở đơn sơ, tạm bợ, dột nát được hỗ trợ làm nhà ở.

- Trên 95% hộ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch hoặc nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- 100% cán bộ tham gia làm công tác giảm nghèo ở các cấp được tập huấn nâng cao năng lực giảm nghèo.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Thực hiện có hiệu quả các chính sách mới đặc thù theo Nghị quyết 30a về giảm nghèo nhanh và bền vững đối với huyện nghèo

a) Nội dung

Hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm và tăng thu nhập, gồm: Chính sách hỗ trợ thông qua khoán chăm sóc, bảo vệ rừng, giao rừng và giao đất để trồng rừng sản xuất; chính sách hỗ trợ sản xuất; tăng cường, hỗ trợ cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm cho các huyện nghèo để xây dựng các trung tâm khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư thành những trung tâm chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ và dịch vụ thúc đẩy phát triển sản xuất trên địa bàn; khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại đầu tư sản xuất, chế biến, kinh doanh trên địa bàn huyện nghèo; hỗ trợ để xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, nhất là nông, lâm, thủy đặc sản của địa phương; thông tin thị trường cho nông dân; khuyến khích, tạo điều kiện và có chính sách ưu đãi thu hút các tổ chức, nhà khoa học trực tiếp nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ ở địa bàn, nhất là việc tuyển chọn, chuyển giao giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất ở các huyện nghèo; chính sách xuất khẩu lao động.

- *Chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề, nâng cao dân trí, gồm:* Chính sách giáo dục, đào tạo, nâng cao mặt bằng dân trí; tăng cường dạy nghề gắn với tạo việc làm; chính sách đào tạo cán bộ tại chỗ; chính sách đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở; tăng cường nguồn lực thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình. Đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động kết hợp cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình để nâng cao chất lượng dân số của các huyện nghèo.

- *Chính sách cán bộ đối với các huyện nghèo, gồm:* Thực hiện chính sách luân chuyển và tăng cường cán bộ huyện về xã đảm nhận các cương vị lãnh đạo chủ chốt để tổ chức triển khai thực hiện cơ chế, chính sách đối với các huyện nghèo; hỗ trợ và chế độ đãi ngộ thỏa đáng để thu hút, khuyến khích trí thức trẻ về tham gia tổ công tác tại các xã thuộc huyện nghèo.

- *Chính sách, cơ chế đầu tư cơ sở hạ tầng ở cả thôn, bản, xã và huyện:* Tiếp tục quy hoạch các điểm dân cư để tránh thiên tai và nâng cao hiệu quả đầu tư; thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng dân sinh, hạ tầng kinh tế và các công trình phúc lợi công cộng có phân định công trình cụ thể của cấp huyện, xã và dưới xã từ nhiều nguồn huy động như: đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách hàng năm (bao gồm vốn cân đối ngân sách địa phương và hỗ trợ từ ngân sách trung ương), vốn trái phiếu Chính phủ, vốn từ các chương trình, dự án, vốn ODA.

b) Cơ quan thực hiện: UBND các huyện miền núi có trách nhiệm xây dựng kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện trên cơ sở Đề án được duyệt của từng huyện và hướng dẫn của các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Đề án hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a của Chính phủ.

c) Thời gian thực hiện: Từ năm 2012 đến 2015

2. Thực hiện đồng bộ các chính sách, dự án giảm nghèo chung và lồng ghép thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội:

Thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia có triển khai thực hiện trên địa bàn, các chương trình

phát triển kinh tế - xã hội để hỗ trợ người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Trong đó chú trọng tập trung thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo chung sau đây:

a) Tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo

- *Nội dung:* Cung cấp tín dụng ưu đãi, chủ yếu là tín dụng quy mô nhỏ cho các hộ gia đình nghèo với thủ tục vay và thu hồi vốn đơn giản, thuận tiện, nhanh chóng, phù hợp với người nghèo. Áp dụng linh hoạt phương thức cho vay, cho vay qua tổ tiết kiệm và vay vốn, ủy thác qua các tổ chức chính trị - xã hội quản lý. Mòn vay và thời gian vay phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh.

Phối kết hợp cung cấp tín dụng với khuyến nông, đào tạo nghề, hỗ trợ đất cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm... để vốn vay của người nghèo được sử dụng có hiệu quả.

- *Cơ quan thực hiện:* Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện miền núi.

- *Thời gian thực hiện:* Từ năm 2012 đến 2015

b) Hỗ trợ đất sản xuất cho hộ nghèo

- *Nội dung:* Đối với những địa phương còn quỹ đất, cân đối giao cho hộ nghèo với mức đất sản xuất phù hợp với quỹ đất hiện có của địa phương. Đối với những địa phương không còn quỹ đất, có kế hoạch đưa vào dự án đào tạo nghề cho người nghèo để chuyển đổi ngành nghề.

Gắn việc giao đất sản xuất với khuyến nông - lâm - ngư và hỗ trợ tín dụng để giúp người dân sử dụng hiệu quả đất được giao.

- *Cơ quan thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện miền núi.

- *Thời gian thực hiện:* Từ năm 2012 đến 2015

c) Tổ chức các hoạt động khuyến nông - lâm - ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề

- *Nội dung:* Trang bị kiến thức và kỹ năng ra các quyết định sản xuất kinh doanh, xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp với thị trường, điều kiện tự nhiên và lợi thế cạnh tranh của địa phương. Trang bị kiến thức và kỹ năng thông qua áp dụng khuyến nông có sự tham gia của người dân, hội nghị đầu bờ, tập huấn trên cơ sở mô hình thực tế. Gắn kết chặt chẽ khuyến cáo tiến bộ kỹ thuật với giới thiệu phương pháp tổ chức sản xuất, bảo quản chế biến, hạch toán kinh tế và tiêu thụ sản phẩm. Cung cấp các thông tin khoa học và kỹ thuật, thị trường cho nông dân nghèo.

- *Cơ quan thực hiện:* Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện miền núi.

- *Thời gian thực hiện:* Từ năm 2012 đến 2015

d) Dạy nghề miễn phí và nhân rộng mô hình giảm nghèo

- Nội dung:

+ Nghiên cứu, đánh giá nhu cầu học nghề của người nghèo. Xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo nghề ngắn hạn phù hợp để người nghèo có thể tự tạo ra cơ hội việc làm, ưu tiên các nghề có thể sử dụng tại chỗ hoặc được thu nhận vào các khu công nghiệp, doanh nghiệp và đi lao động ở nước ngoài. Gắn đào tạo nghề với tạo việc làm và cung cấp tín dụng, người học nghề được trợ giúp giới thiệu việc làm miễn phí.

+ Tổng kết, rút kinh nghiệm từ các mô hình đã thực hiện có hiệu quả trong giai đoạn 2006 - 2010. Đẩy mạnh việc tuyên truyền để duy trì và hỗ trợ cho người nghèo về giống, vật tư, chuồng trại và kỹ thuật để nhân rộng các mô hình có hiệu quả hiện có, ưu tiên mô hình liên kết giữa doanh nghiệp với hộ nghèo phát triển vùng nguyên liệu.

- Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện miền núi.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2012 đến 2015

đ) Hỗ trợ về y tế cho người nghèo

- Nội dung: củng cố mạng lưới y tế cơ sở, nhất là y tế xã, thôn. Đầu tư toàn diện cơ sở vật chất cho các trạm y tế xã, đào tạo đội ngũ y, bác sỹ về làm việc ở y tế cơ sở. Thực hiện đẩy mạnh các hoạt động xã hội hoá chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng. Mua bảo hiểm y tế cho người nghèo và các đối tượng bảo trợ xã hội khác thuộc diện và hỗ trợ 50% mệnh giá bảo hiểm y tế cho đối tượng cận nghèo theo Nghị định số 62/2009/NĐ-CP ngày 27/7/2009 của Chính phủ.

- Cơ quan thực hiện: Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện miền núi.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2012 đến 2015

e) Hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo:

- Nội dung: Thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với đối tượng thuộc diện theo học ở cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ.

- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện miền núi.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2012 đến 2015

f) Hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở

- Nội dung: Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ, cơ bản hoàn thành vào năm 2012. Từ năm 2013 trở đi, các địa phương chủ động, tích cực huy động nguồn lực của cộng đồng xã hội, doanh nghiệp, gia đình, dòng họ cùng với nguồn cho vay vốn tín dụng ưu đãi để hỗ trợ hộ nghèo cải thiện nhà ở, ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ cho đối tượng mới phát sinh do thiên tai, hỏa hoạn và hộ có nhà ở đặc biệt xuống cấp nghiêm trọng.

- *Cơ quan thực hiện:* Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện miền núi.

- *Thời gian thực hiện:* Từ năm 2012 đến 2015

g) Hỗ trợ nước sinh hoạt

- *Nội dung:* Rà soát, thống kê số lượng hộ có nhu cầu để có kế hoạch hỗ trợ nước sinh hoạt theo kiểu phân tán hoặc tập trung, nhất là các hộ nghèo dân tộc thiểu số sống phân tán ở vùng cao, khu vực khó khăn về nguồn nước sinh hoạt để đào giếng, xây bể dự trữ nước hoặc tạo nguồn nước sinh hoạt.

- *Cơ quan thực hiện:* Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện miền núi.

- *Thời gian thực hiện:* Từ năm 2012 đến 2015

h) Trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo

- *Nội dung:* Khảo sát nhu cầu của người nghèo, vùng nghèo về trợ giúp pháp lý để xây dựng kế hoạch trợ giúp pháp lý; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho trợ giúp viên, cộng tác viên và thành viên các câu lạc bộ trợ giúp pháp lý; kiện toàn, củng cố và tăng cường hoạt động của các câu lạc bộ trợ giúp pháp lý, tổ chức trợ giúp pháp lý lưu động và cung cấp thông tin pháp lý cho người nghèo.

- *Cơ quan thực hiện:* Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện miền núi.

- *Thời gian thực hiện:* Từ năm 2012 đến 2015

i) Hỗ trợ người nghèo hưởng thụ văn hóa, thông tin:

- *Nội dung:* Tổ chức thực hiện tốt chương trình đưa văn hoá, thông tin về địa bàn các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa. Đa dạng hoá các hoạt động truyền thông, giúp người nghèo tiếp cận các chính sách giảm nghèo, phổ biến các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, gương thoát nghèo và không ngừng nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số, phù hợp với bản sắc và văn hóa truyền thống và các giá trị văn hóa tiêu biểu của dân tộc.

- *Cơ quan thực hiện:* Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện miền núi.

- *Thời gian thực hiện:* Từ năm 2012 đến 2015

3. Thực hiện các chính sách đối với dân tộc miền núi và hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo, đối tượng yếu thế:

a) Nội dung:

Rà soát, thống kê lập danh sách thực hiện đảm bảo 100% đối tượng người nghèo, dân tộc thiểu số thuộc diện đều được thụ hưởng các chính sách theo quy định của Nhà nước.

Cụ thể như sau:

- Chính sách định canh, định cư theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hỗ trợ cho vay vốn đối với đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hỗ trợ dầu thắp sáng theo Quyết định số 289/QĐ-TTg ngày 18/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Trợ cấp tiền điện cho người nghèo theo Quyết định số 268/QĐ-TTg 23/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Trợ cấp bảo trợ xã hội kể cả trợ cấp đột xuất, trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng và nuôi dưỡng tập trung trong các cơ sở bảo trợ xã hội theo Nghị định 67/2007/NĐ-CP và Nghị định 13/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Cơ quan thực hiện: Ban Dân tộc tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với UBND các huyện miền núi.

c) Thời gian thực hiện: Từ năm 2012 đến 2015

4. Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp

a) Nội dung:

- Kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp, bố trí đủ cán bộ giảm nghèo ở cấp xã, huyện.

- Phát triển chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo cán bộ giảm nghèo một cách phù hợp với yêu cầu của đội ngũ cán bộ chuyên trách, cán bộ các đoàn thể xã hội các cấp và trường thôn. Nội dung đào tạo cần tập trung vào nâng cao nhận thức; kỹ năng tổ chức thực hiện các chính sách, dự án; phát hiện nhu cầu của cộng đồng; xây dựng và lập kế hoạch dự án; quản lý dự án về giảm nghèo ở cơ sở; phương pháp huy động sự tham gia của người dân; kỹ năng lồng ghép giới trong hoạt động giảm nghèo ở các cấp; huy động nguồn lực ở cộng đồng; thu thập thông tin và xây dựng dữ liệu về nghèo đói ở cấp cơ sở.

- *Cơ quan thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện miền núi.

- *Thời gian thực hiện:* Từ năm 2012 đến 2015

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về giảm nghèo

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giảm nghèo nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, tổ chức và người dân về vượt nghèo vươn lên làm giàu.

2. Ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất

Tập trung nghiên cứu các đề tài khoa học phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ sinh học trong việc cải thiện các giống cây trồng và vật nuôi, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và công nghệ canh tác trên đất dốc. Tiến hành nghiên cứu phục tráng, phát triển một số loài cây đặc sản của địa phương... Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ của khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh.

3. Huy động nguồn lực

Kinh phí thực hiện theo các nội dung trên được huy động từ các nguồn và cơ chế phân bổ, quản lý như sau:

- Tranh thủ và sử dụng có hiệu quả nguồn Trung ương hỗ trợ để thực hiện các hợp phần mới đặc thù theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP, cụ thể: nguồn sự nghiệp có mục tiêu để thực hiện hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm và tăng thu nhập; chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề, nâng cao dân trí; chính sách cán bộ đối với các huyện nghèo và nguồn đầu tư phát triển để thực hiện chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng ở cả thôn, bản, xã và huyện.

UBND các huyện miền núi hàng năm căn cứ nhu cầu thực tế và nội dung cụ thể được duyệt đối với từng huyện trong Đề án giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP để xây dựng kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính đối với nguồn kinh phí sự nghiệp có mục tiêu và thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với nguồn đầu tư phát triển) để xem xét, quyết định phân bổ kinh phí để thực hiện.

- Tận dụng triệt để nguồn của các doanh nghiệp, tổng công ty (Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Tổng Công ty lương thực miền Nam...) được Chính phủ giao trợ giúp huyện nghèo, cũng như các nguồn vận động được từ các tổ chức, cá nhân các nhà hảo tâm giúp đỡ huyện nghèo.

- Nguồn được Trung ương và tỉnh bố trí để thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo chung, các chính sách dân tộc miền núi, hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo, đối tượng yếu thế theo Chương trình mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững được phê duyệt tại Quyết định 280/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 của UBND tỉnh; nguồn lồng ghép thông qua thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia khác, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội có triển khai thực hiện trên địa bàn.

Các sở, ngành căn cứ nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế ở các địa phương và phân cấp quản lý để xây dựng kế hoạch trực tiếp tổ chức triển khai thực hiện hoặc phân bổ và hướng dẫn cho các địa phương tổ chức thực hiện. Trong đó định mức phân bổ ưu tiên cho các huyện miền núi gấp 1,5 đến 2 lần (trên quy mô người nghèo) so với các huyện, thành phố khác trong tỉnh.

4. Dự kiến nhu cầu về kinh phí để thực hiện Kế hoạch

a) Tổng kinh phí: 7.782.413 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí theo Đề án 30a đã đầu tư năm 2012 và kế hoạch giai đoạn 2013 - 2015 được phê duyệt: 6.706.250 triệu đồng.

- Kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia có triển khai thực hiện trên địa bàn: 899.876 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện các chính sách dân tộc miền núi và hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo: 176.287 triệu đồng

- Nguồn huy động, đóng góp cộng đồng, nhà tài trợ: 160.000 triệu đồng.

b) Phân kỳ đầu tư hàng năm, cụ thể như sau:

- Năm 2012: 545.946 triệu đồng.

- Năm 2013: 2.409.853 triệu đồng.

- Năm 2014: 2.412.265 triệu đồng.

- Năm 2015: 2.414.349 triệu đồng.

5. Tăng cường sự tham gia của người dân

Người dân được tham gia vào mọi hoạt động của chương trình từ việc xác định đối tượng thụ hưởng đến việc lập kế hoạch, triển khai thực hiện ở thôn, bản, xã; quản lý nguồn lực; giám sát và đánh giá. Thông tin đầy đủ tới người dân chủ trương, chính sách của Nhà nước về giảm nghèo, tổ chức cho dân tham gia các hoạt động, bảo đảm tính công khai, dân chủ và minh bạch.

6. Huy động sự tham gia của cộng đồng, các tổ chức đoàn thể, các doanh nghiệp và các tổ chức từ thiện dưới nhiều hình thức phù hợp, trong đó chú trọng hình thức đỡ đầu, kết nghĩa với xã nghèo, vùng nghèo, tạo dựng và duy trì phong trào, giảm nghèo trong toàn tỉnh.

7. Các chính sách hỗ trợ khác

- Đối với hộ mới thoát nghèo được tiếp tục hưởng chính sách trợ giúp về tín dụng, khuyến nông - lâm - ngư, y tế, giáo dục, dạy nghề trong vòng 02 năm kể từ ngày cấp xã công bố thoát nghèo.

- Đối với doanh nghiệp tổ chức dạy nghề và tiếp nhận người nghèo vào làm việc ổn định từ 02 năm trở lên thì được trợ giúp một khoản kinh phí bằng mức trợ giúp của Nhà nước cho người nghèo học nghề theo Thông tư 44/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH. Tôn vinh các doanh nghiệp thu hút được nhiều lao động từ các hộ nghèo vào làm việc ổn định.

8. Tăng cường phân cấp quản lý

Cấp tỉnh, huyện: Lập kế hoạch giảm nghèo của địa phương; huy động bổ sung nguồn lực và chủ động phân bổ cho cấp xã; hướng dẫn và giám sát thực hiện của cấp xã; xác nhận xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã nghèo; công nhận xã thoát nghèo.

Cấp xã: Xác định hộ nghèo, công nhận hộ thoát nghèo, huy động nguồn lực tại chỗ, tổ chức thực hiện các chính sách và dự án trên địa bàn, tự giám sát đánh giá.

9. Giám sát và đánh giá

- Thực hiện hệ thống chỉ tiêu giám sát, đánh giá phù hợp ở các cấp từ tỉnh đến xã.

- Các cấp địa phương tự tổ chức giám sát, đánh giá và báo cáo theo định kỳ 6 tháng, hàng năm.

- Tạo cơ chế thuận lợi để phát huy giám sát của cộng đồng: Gồm giám sát của các tổ chức đoàn thể và của người dân.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng theo mục tiêu, nội dung của Kế hoạch.

Kiện toàn Ban Chỉ đạo và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo làm công tác giảm nghèo từ cấp tỉnh tới cấp xã để thực hiện kế hoạch này nói riêng và Chương trình mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững nói chung (đối với cấp tỉnh và các huyện miền núi tổ chức lại trên cơ sở Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu giảm nghèo và Ban Chỉ đạo 30a theo Quyết định số 280/QĐ-UBND của UBND tỉnh).

2. Các sở, ban ngành và UBND các huyện miền núi căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao theo từng nội dung của kế hoạch này xây dựng kế hoạch, hướng dẫn tổ chức, triển khai thực hiện.

Định kỳ 6 tháng, hàng năm, sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm chỉ đạo thực hiện đảm bảo mục tiêu của Kế hoạch; đồng thời thông báo công khai kết quả thực hiện chương trình trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, chủ trì, phối hợp với chính quyền và đoàn thể các cấp tổ chức tuyên truyền, vận động người dân các huyện miền núi hưởng ứng, tham gia các cuộc vận động hỗ trợ giảm nghèo như phong trào “Ngày vì người nghèo”, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, xây dựng nông thôn mới”; động viên, phát huy tính tự chủ của người dân vươn lên thoát nghèo. Các tổ chức hội, đoàn thể cấp tỉnh tiếp tục duy trì tích cực giúp đỡ những hội viên nghèo đồng bào miền núi của tổ chức mình trong việc tiếp cận các chính sách ưu đãi, nhất là chính sách tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, đề nghị các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để chỉ đạo, thống nhất giải quyết.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Thích

PHỤ LỤC 01

KẾ HOẠCH KINH PHÍ THỰC HIỆN MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO NHANH VÀ BỀN VỮNG 6 HUYỆN NGHÈO MIỀN NÚI
GIAI ĐOẠN 2012-2015

(Kèm theo Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 16/7/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chương trình, dự án, chính sách	Kế hoạch kinh phí giai đoạn 2012- 2015	Năm			
			2012	2013	2014	2015
I	Vốn Chương trình mục tiêu giảm nghèo, lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế xã hội:	899.876	217.925	222.654	227.340	231.958
1	Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập	196.291	42.295	46.525	51.177	56.295
2	Chính sách mua bảo hiểm y tế	185.667	47.000	47.000	46.333	45.333
3	Chính sách hỗ trợ nhà ở	240.000	60.000	60.000	60.000	60.000
4	Chính sách dạy nghề cho người nghèo	13.000	2.500	3.000	3.500	4.000
5	Chính sách khuyến, nông, lâm, ngư, công	5.200	1.200	1.200	1.400	1.400
6	Chính sách trợ giúp pháp lý	1.333	333	333	333	333
7	Hỗ trợ người nghèo hưởng thụ văn hóa, thông tin	1.000	250	250	250	250
8	Hỗ trợ nước sinh hoạt	16.000	4.000	4.000	4.000	4.000
9	Hỗ trợ đất sản xuất	13.333	3.333	3.333	3.333	3.333
10	Vốn vay thông qua Ngân hàng Chính sách (số cho tăng trưởng hàng năm)	228.052	57.013	57.013	57.013	57.013
II	Các chính sách đặc thù đối với huyện, xã, thôn	6.712.850	281.750	2.143.500	2.143.800	2.143.800
	Chương trình giảm nghèo theo Nghị quyết 30a (năm 2013, 2014, 2015 dự kiến theo đề án đã được phê duyệt)	6.706.250	280.250	2.142.000	2.142.000	2.142.000
	Xây dựng cơ sở hạ tầng cho thôn ĐBKK vùng dân tộc, miền núi ngoài huyện 30a	6.600	1.500	1.500	1.800	1.800
III	Các chính sách đối với dân tộc nghèo và hộ trợ trực tiếp	169.687	46.272	43.698	41.125	38.591
1	Chính sách định canh, định cư theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ	36.000	9.000	9.000	9.000	9.000
2	Hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo	133.687	37.272	34.698	32.125	29.591
-	Hỗ trợ trực tiếp bằng tiền hoặc hiện vật theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ	53.270	15.169	13.935	12.700	11.466
-	Hỗ trợ đầu tư hòa thấp sáng theo Quyết định số 289/QĐ-TTg ngày	1.358	315	331	347	365

CÔNG BÁO/Số 15+16/Ngày 31-7-2012

81

	13/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ								
-	Hỗ trợ tiền điện cho người nghèo theo QĐ 286/QĐ-TTG		24.059	8.038	6.683	5.328	4.011		
-	Trợ cấp bảo trợ xã hội		55.000	13.750	13.750	13.750	13.750		
IV	Vốn huy động, đóng góp cộng đồng, tài trợ		160.000	40.000	40.000	40.000	40.000		
	Tổng cộng		7.782.413	545.946	2.409.853	2.412.265	2.414.349		